

Số: **314**/QĐ-UBND

Hoà Bình, ngày **09** tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Sở Công Thương tỉnh Hòa Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 180/TTr-SCT ngày 23/02/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Hòa Bình.

(Có Phụ lục thủ tục hành chính kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành có chức năng liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*đ*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Công Thương
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Công Thương;
- Chánh VP, các Phó CVP/UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TCTM, NC (BTh, 30b).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Quang

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH HOÀ BÌNH
(Kèm theo Quyết định số: 314/QĐ-UBND ngày 09/3/2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Hoà Bình)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính
Thủ tục hành chính cấp huyện, thành phố	
* Lĩnh vực An toàn thực phẩm	
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm (trường hợp bị mất, thất lạc hoặc bị hỏng) đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ
3	Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc thẩm quyền của UBND huyện, thành phố

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
* Lĩnh vực an toàn thực phẩm			
1	TT-HBI-279071-TT	Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Hoà Bình ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Hoà Bình.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ HỦY BỎ, BÃI BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc hủy bỏ, bãi bỏ
Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
* Lĩnh vực an toàn thực phẩm			
1	TT-HBI- 280276-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ	Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.
2	TT-HBI- 280277-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm (trường hợp bị mất, thất lạc hoặc bị hỏng) đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ	Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Thủ tục hành chính mới ban hành

Thủ tục hành chính cấp huyện, thành phố

*** Lĩnh vực an toàn thực phẩm**

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định tại “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” UBND các huyện, thành phố.

- Bước 2. “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” UBND các huyện, thành phố chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn xử lý hồ sơ.

Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. Quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận có quyền hủy hồ sơ.

- Bước 3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” UBND các huyện, thành phố.

1.2. Cách thức thực hiện

- Nộp trực tiếp tại “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” của UBND các huyện, thành phố hoặc nộp qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ: Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đóng thành 01 quyển, gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu 1 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề sản xuất thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở);

- Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT;

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở);

- Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất (bản sao có xác nhận của cơ sở).

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ.

1.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND các huyện, thành phố.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

1.8. Phí, lệ phí:

- Phí thẩm xét hồ sơ: 500.000đ/1 lần cấp/1 cơ sở

- Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: 1.000.000đ/lần/cơ sở

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 150.000đ/lần/1 cơ sở.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu 1;

- Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Mẫu 2;

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Điều kiện chung:

Cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương bao gồm: cơ sở sản xuất các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo, dụng cụ, vật liệu bao gói chuyên dụng gắn liền và chỉ sử dụng cho các sản phẩm thực phẩm.

* Điều kiện riêng:

Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:

- Rượu: Dưới 03 triệu lít sản phẩm/năm;

- Bia: Dưới 50 triệu lít sản phẩm/năm;

- Nước giải khát: Dưới 20 triệu lít sản phẩm/năm;

- Sữa chế biến: Dưới 20 triệu lít sản phẩm/năm;

- Dầu thực vật: Dưới 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;

- Bánh kẹo: Dưới 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;

- Bột và tinh bột: Dưới 100 ngàn tấn sản phẩm/năm;

- Dụng cụ, vật liệu bao gói chuyên dụng gắn liền và chỉ sử dụng cho các sản phẩm thực phẩm trên.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Cơ sở sản xuất (tên giao dịch hợp pháp):.....

Địa chỉ tại:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số; ngày cấp:;

Cơ quan cấp:.....

Ngành nghề sản xuất (tên sản phẩm xin cấp giấy chứng nhận) :.....

Công suất, doanh thu:.....

Tổng số cán bộ công nhân viên (trực tiếp:.....; gián tiếp:.....)(bao gồm cả chủ cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ).

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.....

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu (nếu có)

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- Bản sao Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực;
- Bản sao Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm;
- Bản tự đánh giá Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm.

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

Mẫu 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

**BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM
ĐỂ SẢN XUẤT THỰC PHẨM**

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất:.....
- Chủ cơ sở sản xuất:.....
- Địa chỉ:...(ghi địa chỉ sản xuất).....
- Điện thoại.....Fax.....
- Mặt hàng sản xuất:.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ CON NGƯỜI

II. 1. Cơ sở vật chất

Diện tích mặt bằng sản xuất:m², Trong đó diện tích để sản xuất:m²;

II. 2. Trang, thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến hiện có

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Xuất xứ	Thực trạng hoạt động của trang, thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất						

2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
4	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
5	Dụng cụ lưu mẫu						
6	Phương tiện/ thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
7	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
8	Trang, thiết bị khác để sản xuất (nếu có)						
8.1							
...							
8.?							

II.3. Chủ cơ sở và những người trực tiếp sản xuất

- Tổng số người trực tiếp sản xuất tại cơ sở (bao gồm cả chủ cơ sở):người;
- Số người có Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm còn hạn:người;
- Số người đã được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp:người;
- Số người chưa được cấp:
 - Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:người;
 - Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm:người;

III. CƠ SỞ TỰ ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Thông tư/2015/TT-BCT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Cam kết của Chủ cơ sở:

Tôi cam đoan các thông tin nêu trong Bản tự đánh giá về Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và con người là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đánh giá trên./.

....., ngày.....tháng.....năm 20....

CHỦ CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm (trường hợp bị mất, thất lạc hoặc bị hỏng) đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định tại “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” UBND các huyện, thành phố.

- Bước 2. “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” UBND các huyện, thành phố chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn xử lý hồ sơ.

Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. Quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận có quyền hủy hồ sơ.

- Bước 3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” UBND các huyện, thành phố.

2.2. Cách thức thực hiện

- Nộp trực tiếp tại ”Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” của UBND các huyện, thành phố hoặc nộp qua đường bưu điện.

2.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu 3 quy định tại Phụ lục Thông tư số 57/2015/TT-BCT.

* Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu 3 quy định tại Phụ lục Thông tư số 57/2015/TT-BCT;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục Thông tư số 57/2015/TT-BCT;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất.

* Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu 3 quy định tại Phụ lục Thông tư số 57/2015/TT-BCT;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

- Bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền văn bản, tài liệu chứng minh sự thay đổi.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

- Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

- Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, Tổ chức sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ.

2.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND các huyện, thành phố.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

2.8. Phí, lệ phí:

- Phí thẩm xét hồ sơ: 500.000đ/1 lần cấp/1 cơ sở

- Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: 1.000.000đ/lần/cơ sở

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 150.000đ/lần/1 cơ sở.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu 3

- Bản tự đánh giá điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm Mẫu 2

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Điều kiện chung:

Cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương bao gồm: cơ sở sản xuất các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo, dụng cụ, vật liệu bao gói chuyên dụng gắn liền và chỉ sử dụng cho các sản phẩm thực phẩm.

* Điều kiện riêng:

Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:

- Rượu: Dưới 03 triệu lít sản phẩm/năm;

- Bia: Dưới 50 triệu lít sản phẩm/năm;

- Nước giải khát: Dưới 20 triệu lít sản phẩm/năm;

- Sữa chế biến: Dưới 20 triệu lít sản phẩm/năm;

- Dầu thực vật: Dưới 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- Bánh kẹo: Dưới 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- Bột và tinh bột: Dưới 100 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- Dụng cụ, vật liệu bao gói chuyên dụng gắn liền và chỉ sử dụng cho các sản phẩm thực phẩm trên.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Mẫu 3

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: *(tên cơ quan có thẩm quyền cấp)*.....

Tên cơ sở sản xuất:.....

Chủ cơ sở sản xuất:

Địa chỉ:....*(ghi địa chỉ sản xuất)*.....

Điện thoại..... Fax.....

Mặt hàng sản xuất:.....

Công suất, doanh thu:.....

Đề nghị ...*(ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp)*... cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ:... *(ghi cụ thể tên sản phẩm thực phẩm xin cấp lại)*, cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số:; ngày cấp:.....; Cơ quan cấp
Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận:

.....
.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

Mẫu 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM
ĐỂ SẢN XUẤT THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất:.....
- Chủ cơ sở sản xuất:.....
- Địa chỉ:...(ghi địa chỉ sản xuất).....
- Điện thoại.....Fax.....
- Mặt hàng sản xuất:.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ CON NGƯỜI

II. 1. Cơ sở vật chất

Diện tích mặt bằng sản xuất:m², Trong đó diện tích để sản xuất:m²;

II. 2. Trang, thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến hiện có

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Xuất xứ	Thực trạng hoạt động của trang, thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất						
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Thiết bị bảo quản thực phẩm						

4	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
5	Dụng cụ lưu mẫu						
6	Phương tiện/ thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
7	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
8	Trang, thiết bị khác để sản xuất (nếu có)						
8.1							
...							

II.3. Chủ cơ sở và những người trực tiếp sản xuất

- Tổng số người trực tiếp sản xuất tại cơ sở (bao gồm cả chủ cơ sở):người;
- Số người có Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm còn hạn:người;
- Số người đã được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp:người;
- Số người chưa được cấp:
 - Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:người;
 - Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm:người;

III. CƠ SỞ TỰ ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Thông tư/2015/TT-BCT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Cam kết của Chủ cơ sở:

Tôi cam đoan các thông tin nêu trong Bản tự đánh giá về Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và con người là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đánh giá trên./.

....., ngày.....tháng.....năm 20....

CHỦ CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

3. Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc thẩm quyền của UBND huyện, thành phố.

3.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định tại “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” UBND huyện, thành phố.

- Bước 2. “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” UBND các huyện, thành phố chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn xử lý.

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, UBND các huyện, thành phố lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian, địa điểm tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức/cá nhân.

Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm tra, đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức/cá nhân đạt yêu cầu (đã trả lời đúng trên 80% câu hỏi ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành trong bài kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm).

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thành phố.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” của UBND các huyện, thành phố hoặc nộp qua đường bưu điện.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị kiểm tra, xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (theo Mẫu số 01a tại Phụ lục 4 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT;

- Bản sao Giấy Chứng minh thư nhân dân;

- Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí;

- Danh sách đề nghị kiểm tra để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b tại Phụ lục 4 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT (áp dụng cho tập thể, không áp dụng cho cá nhân).

- Bản sao (có xác nhận và đóng dấu của tổ chức xin cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm): Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy Chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (áp dụng cho tập thể, không áp dụng cho cá nhân).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (Cơ sở do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh và cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật).

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND các huyện, thành phố.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận.

3.8. Lệ phí: 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng chẵn)/01 người (theo quy định tại Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013).

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu 01a: Đơn đề nghị kiểm tra, xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm
- Mẫu 01b: Danh sách đề nghị kiểm tra xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm chỉ cấp cho những người đã trả lời đúng từ 80% tổng số câu hỏi (gồm các câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành) trở lên.

- Nội dung kiến thức về an toàn thực phẩm bao gồm kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm, trong đó:

+ Kiến thức chung về an toàn thực phẩm gồm: Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm; các mối nguy an toàn thực phẩm; điều kiện an toàn thực phẩm; phương pháp bảo đảm an toàn thực phẩm; thực hành tốt an toàn thực phẩm.

+ Kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm gồm: Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;
- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;
- Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn thực phẩm.
- Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về ATTP)

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc số CMTND đối với cá nhân) số....., cấp ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....

Địa chỉ:....., Số điện thoại.....

Số Fax.....E-mail.....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Bộ Công Thương ban hành, chúng tôi /Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của Bộ Công Thương ban hành.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức/Cá nhân
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Mẫu số 01b

DANH SÁCH
ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA KIẾN THỨC AN TOÀN THỰC PHẨM
(kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của(tên tổ chức))

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....
Đại diện Tổ chức đề nghị xác nhận
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

B. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

Thủ tục hành chính cấp tỉnh

*** Lĩnh vực an toàn thực phẩm**

1. Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương

1.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định tại “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” Sở Công Thương Hoà Bình.

- Bước 2. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển đến phòng Kỹ thuật an toàn
- Môi trường xử lý hồ sơ.

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, Sở Công Thương lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian, địa điểm tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức/cá nhân.

Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm tra, đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức/cá nhân đạt yêu cầu (đã trả lời đúng trên 80% câu hỏi ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành trong bài kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm).

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.

- Nộp qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị kiểm tra, xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (theo Mẫu số 01a tại Phụ lục 4 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT;

- Bản sao Giấy Chứng minh thư nhân dân;

- Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí;

- Danh sách đề nghị kiểm tra để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b tại Phụ lục 4 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT (áp dụng cho tập thể, không áp dụng cho cá nhân).

- Bản sao (có xác nhận và đóng dấu của tổ chức xin cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm): Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy Chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (áp dụng cho tập thể, không áp dụng cho cá nhân).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ; Các tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Hòa Bình.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận.

1.8. Lệ phí: 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng chẵn)/01 người (theo quy định tại Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013).

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu 01a: Đơn đề nghị kiểm tra, xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm
- Mẫu 01b: Danh sách đề nghị kiểm tra xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm chỉ cấp cho những người đã trả lời đúng từ 80% tổng số câu hỏi (gồm các câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành) trở lên.

- Nội dung kiến thức về an toàn thực phẩm bao gồm kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm, trong đó:

+ Kiến thức chung về an toàn thực phẩm gồm: Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm; các mối nguy an toàn thực phẩm; điều kiện an toàn thực phẩm; phương pháp bảo đảm an toàn thực phẩm; thực hành tốt an toàn thực phẩm.

+ Kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm gồm: Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;
- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPINT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

- Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn thực phẩm.

- Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc công bố thủ tục hành chính đã chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Hòa Bình.

- Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung của TTHC được sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về ATTP)

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân
Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc số CMTND đối với cá nhân) số.....,
cấp ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....
Địa chỉ:....., Số điện thoại.....
Số Fax.....E-mail.....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Bộ Công Thương ban hành, chúng tôi /Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của Bộ Công Thương ban hành.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức/Cá nhân
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Mẫu số 01b

DANH SÁCH
ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA KIẾN THỨC AN TOÀN THỰC PHẨM
(kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của(tên tổ chức))

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức đề nghị xác nhận
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)